

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2025/QĐ-CTUBND

Cao Bằng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của **Giám đốc** Sở Tài chính;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân **ban hành** Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (trừ khoản 2 Điều này) gồm: Giao tài sản Bằng hiện vật; khoán kinh phí sử dụng tài sản công; khai thác tài sản công; thu hồi tài sản, điều chuyển tài sản, bán tài sản, thanh lý tài sản, tiêu hủy tài sản, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; phê duyệt Đề án đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập; phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với:

a. Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

b. Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng; các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng; tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Cao Bằng,

3. Ngoài các nội dung được quy định tại Quyết định này, các nội dung khác quy định về thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng gồm: cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Tài sản công thực hiện phân cấp

Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 20 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, gồm:

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị.

4. Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu.

5. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan; phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phù hợp với quy định Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của tỉnh Cao Bằng.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền quyết định chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tài sản công được đầu tư, mua sắm và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản máy móc, thiết bị và các tài sản khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác).

2. Việc giao tài sản quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) thực hiện theo các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công

1. Khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ: Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khoán của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh: Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Khoán kinh phí sử dụng các tài sản khác: Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên)

1. Đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước

Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công của cơ quan, tổ chức mình và của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo danh mục tài sản công quy định tại điểm d, đ, g khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Việc khai thác tài sản quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về nhà ở, pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công của đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo danh mục tài sản công quy định tại điểm d, đ, g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Việc khai thác tài sản quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về nhà ở, pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác) của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác) giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định gồm:

a) Bán tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm xe ô tô và phương tiện vận tải khác) của cơ quan, tổ chức mình và các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Bán tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm xe ô tô và phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm xe ô tô và phương tiện vận tải khác) có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định gồm:

a) Nhà và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm xe ô tô và phương tiện vận tải khác) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức mình và của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

b) Nhà và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán; máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm xe ô tô và phương tiện vận tải khác) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán.

2. Các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý bao gồm: Nhà và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá dưới 02 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán; máy móc, thiết bị và các tài sản khác (không bao gồm xe ô tô và phương tiện vận tải khác) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (không bao gồm tài sản là xe ô tô và các phương tiện vận tải khác).

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công (không bao gồm đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và các phương tiện vận tải khác) trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công (không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác) tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sử dụng tài sản công (không bao gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác) thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý làm chủ đầu tư (trừ phương án điều chuyển tài sản trong trường hợp đặc biệt và xử lý tài sản theo hình thức khác được quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP).

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2025.
2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quyết định này và đảm bảo theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Trong quá trình thực hiện Quyết định, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.
Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế Bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hải Hòa